

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 55/2019/HS-ST

Ngày 26-11-2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Tư.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thu Lâm và ông Võ Văn Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Chính - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoành - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2019/QĐXXST-HS ngày 12/11/2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: **Trần Ngọc T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 18 tháng 01 năm 1991; Quê quán: phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Trú quán và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố N1, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Quân chúng; Con ông: Trần Ngọc T1, sinh năm 1953; con bà: Lê Thị Th, sinh năm 1957 cả hai hiện là lao động tự do và trú quán tại tổ dân phố N1, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Anh, chị, em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ tư; Vợ: Lê Hồng Nh, sinh năm 1992, nghề nghiệp: Công nhân, hiện trú quán tại phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; con: 01 đứa sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 17/9/2019 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn T, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Công H, sinh năm 1949; địa chỉ : Tổ dân phố L, phường Kỳ Long, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; địa chỉ : Tổ dân phố T, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

+ Ông Trần Đình H, sinh năm 1993; địa chỉ : Tổ dân phố T, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+ Ông Vũ Xuân T, sinh năm 1977; địa chỉ : Tổ dân phố N1, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

+Bà Lê Hồng Nh, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ dân phố N1, phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07h ngày 29/8/2019, sau khi tan ca làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Gang thép Hưng nghiệp Formosa Hà Tĩnh. Trần Ngọc T đi bộ ra nhà để xe của công nhân ở cổng Tây Nam của công ty Formosa Hà Tĩnh, thuộc phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để nhờ bạn về. Trong lúc chờ bạn, Trần Ngọc T lấy chiếc bấm móng tay trong túi quần tra vào ổ khóa điện của chiếc xe mô tô hiệu Ware, BKS 38M1-xxxxxx để trong nhà xe thì mở được khóa điện. Sau khi quan sát thấy vắng người, Trần Ngọc T ngồi lên xe mô tô BKS 38M1-xxxxxx nổ máy chạy về nhà. Do bị sợ phát hiện nên Trần Ngọc T đã bóc miếng dán hoa văn màu trắng dán ở chắn bùn của bánh trước, đồng thời đến bãi phế liệu của anh Vũ Xuân T(thợ sửa chữa xe máy) ở gần nhà mình lấy chiếc biển kiểm soát xe mô tô mang số 38K1-2703 đưa về nhà rồi tháo BKS 38M1-xxxxxx của xe và gắn BKS: 38K1-2703 vào xe mô tô trộm cắp được để sử dụng đi lại. Đến ngày 13/9/2019, sau khi sự việc bại lộ, Trần Ngọc T đến Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình đồng thời giao nộp chiếc xe mô tô trộm cắp được.

Chiếc xe mô tô hiệu Ware màu đỏ-đen-bạc, BKS 38M1-xxxxxx mà Trần Ngọc T trộm cắp là của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990, ở tổ dân phố x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh, là công nhân để trong nhà xe của Công ty Formosa Hà Tĩnh để đi làm thì bị mất trộm. Theo kết quả định giá của Hội đồng định giá trong

tổ tụng hình sự UBND thị xã Kỳ Anh thì chiếc xe mô tô BKS 38M1-xxxxx mà Trần Ngọc T trộm cắp trị giá 2.800.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh đã thu giữ các vật chứng bao gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Ware màu đỏ-đen-bạc, số khung : 102167, số máy 2902207 có gắn BKS: 38K1- 2703, 01 chiếc biển kiểm soát xe mô tô: BKS 38M1-xxxxx và 01 chiếc bấm móng tay bằng kim loại có dòng chữ Yongming, do Trần Ngọc T giao nộp. Xe mô tô và BKS 38M1-xxxxx đã trả lại cho chị Nguyễn Thị M là chủ sở hữu, còn chiếc BKS: 38K1-2703 và 01 cái bấm móng tay bằng kim loại chuyển sang kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản, chị Nguyễn Thị M yêu cầu bị cáo Trần Ngọc T phải bồi thường chi phí thuê xe đi lại trong thời gian bị mất xe, với số tiền 1.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo Trần Ngọc T đã bồi thường chi chị Minh số tiền 1.000.000 đồng, nay chị Minh không có yêu cầu gì thêm về bồi thường thiệt hại và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..

Với hành vi trên, Cáo trạng số 49/CT –VKSTXKA ngày 07/11/2019, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh đã truy tố bị cáo Trần Ngọc T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt Trần Ngọc T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án, về tội “*Trộm cắp tài sản*”; Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc BKS: 38K1-2703 và 01 cái bấm móng tay bằng kim loại; Về án phí: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a

khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử buộc bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có tranh luận gì với luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo tốt, sửa chữa lỗi lầm sớm trở thành người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, với nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và các chứng cứ khác có tại hồ sơ, như vậy đủ cơ sở kết luận: Khoảng 07 giờ ngày 29/8/2019, sau khi tan ca làm việc, Trần Ngọc T đến nhà để xe công nhân, ở cổng phía Tây Nam của Công ty Formosa Hà Tĩnh, thuộc phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, để chờ bạn chở về nhà. Trong khi chờ bạn ở nhà xe, lợi dụng khi vắng người Trần Ngọc T đã dùng bấm móng tay mở khóa, lấy trộm xe mô tô hiệu Ware, BKS: 38M1- xxxxx của chị Nguyễn Thị M để ở trong nhà xe, trị giá 2.800.000 đồng, rồi đưa về nhà gắn biển kiểm soát giả để sử dụng. Sau khi sự việc bại lộ, ngày 13/9/2019, Trần Ngọc T đã ra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp xe mô tô trộm cắp cho Cơ quan điều tra Công an thị xã Kỳ Anh.

[3] Hành vi lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá tài sản là 2.800.000 đồng của bị cáo đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố, xét xử bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Đầu thú; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bộ đề được Nhà nước tặng danh hiệu anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Trên cơ sở xem xét, đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo. Xét thấy bị cáo Trần Ngọc T có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương để bị cáo tu dưỡng, rèn luyện và nhận thức hành vi sai trái của mình, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo Trần Ngọc T lao động tự do, thu nhập không ổn định, gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm về mặt dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô và BKS 38M1- xxxxx Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Nguyễn Thị M là chủ sở hữu hợp pháp đảm bảo trình tự, thủ tục nên Hội đồng xét xử không xem xét; 01 chiếc BKS: 38K1-2703 và 01 cái bấm móng tay bằng kim loại đây là công cụ mà bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[11] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo Trần Ngọc T phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 3, khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt Trần Ngọc T 07 (Bảy) tháng tù nhưng hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trần Ngọc T cho Ủy ban nhân dân phường K1, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách được thực hiện theo quy định tại điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc BKS: 38K1-2703 và 01 cái bấm móng tay bằng kim loại.

Vật chứng có tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2019 giữa Công an thị xã Kỳ Anh với Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kỳ Anh.

4.Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND thị xã Kỳ Anh;
- Công an thị xã Kỳ Anh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- UBND phường K1;
- Bị cáo;
- Người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu: HS; VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Văn Tư